

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN TOÁN 7
TUẦN 6

1. Nội dung học sinh tự học:

❖ **Phần Đại Số:**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học: BÀI 8. TÍNH CHẤT CỦA DẪY TỈ SỐ BẰNG NHAU	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	- Từ tỉ lệ thức đã cho ta suy ra được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. - Xem kĩ tính chất của dãy tỉ số bằng nhau và tính chất mở rộng cho dãy tỉ số bằng nhau trang 29 sgk - Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau vào dạng toán tìm 2 số x; y khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của chúng. ➤ Hướng dẫn làm bài: Bài 55/30 sgk -Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a-c}{b-d}$ Bài 56/30 sgk -Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d}$ - Công thức tính chu vi và diện tích hình chữ nhật
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Học sinh hoàn thành các bài tập 55, 56/sgk/30

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học: LUYỆN TẬP	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	- Xem kĩ phần lý thuyết của bài tỉ lệ thức và tính chất dãy tỉ số bằng nhau. ➤ Hướng dẫn làm bài: Bài 60/31 sgk Áp dụng:

	Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ thì $ad = bc$. Quy tắc nhân, chia số hữu tỉ. $\frac{A}{B} \cdot \frac{C}{D} = \frac{AC}{BD}$ $\frac{A}{B} : \frac{C}{D} = \frac{A}{B} \cdot \frac{D}{C} = \frac{AD}{BC}$ Bài 61/31 sgk Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f} = \frac{a+c+e}{b+d+f} = \frac{a-c+e}{b-d+f}$ Bài 58/30 sgk Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d} = \frac{a-c}{b-d}$ Bài 64/31 sgk Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{a+c}{b+d} = \frac{a-c}{b-d}$
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Học sinh hoàn thành các bài tập 60,61,58,64/sgk/30,31

❖ **Phần Hình học:**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Bài 7: ĐỊNH LÝ	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	- Lưu ý cấu trúc của một định lý (giả thiết và kết luận) *<i>Mỗi định lý gồm hai phần:</i> + GT: là những điều cho biết trước + KL: Những điều cần suy ra - Nắm vững cách chứng minh một định lý <i>Muốn chứng minh 1 định lý ta cần:</i> + Vẽ hình minh họa cho định lý + Dựa theo hình vẽ, viết GT-KL bằng ký hiệu + Từ GT đưa ra các khẳng định và nêu kèm theo các căn cứ của nó cho đến KL - Biết đưa một định lý về dạng: “Nếu thì” - Làm quen với mệnh đề logic: $p \Rightarrow q$ - Xem một số ví dụ trong tài liệu đính kèm.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Học sinh hoàn thành các bài tập 49,50/SGK/101 trong phần B/ BÀI TẬP (file đính kèm)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
LUYỆN TẬP	
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	- Xem kĩ lí thuyết của bài định lí. - Biết diễn đạt định lý dưới dạng “Nếu.....thì.....” - Biết minh họa 1 định lý trên hình vẽ và viết GT-KL của định lý bằng ký hiệu - Bước đầu biết chứng minh một định lý. - Xem một số ví dụ trong tài liệu đính kèm.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Học sinh hoàn thành các bài tập 51, 52, 53/SGK/101, 102 trong phần B/ BÀI TẬP (file đính kèm)

2. Sau khi tự học, em có những thắc mắc gì cần hỏi đến giáo viên:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ghi nội dung bài giảng hoặc bài tập.	1. Câu hỏi của các em. 2. 3.